TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/DS-ST
Ngày: 07-5-2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1958; địa chỉ: Tổ dân phố Thanh Lâm, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ dân phố Vĩnh Bình, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Thanh Lâm, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2025, biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2026, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Võ Văn L trình bày:*

Vợ chồng ông và bà Nguyễn Thị T có quan hệ bà con xa. Ngày 07/01/2017 âm lịch vợ chồng ông cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền

40.000.000đồng; đến ngày 07/4/2017 âm lịch vợ chồng ông cho bà Nguyễn Thị T vay tiếp số tiền 20.000.000đồng. Tổng cộng bà Nguyễn Thị T vay tiền của vợ chồng ông 02 lần, với tổng số tiền là 60.000.000đồng. Khi vay tiền bà T có viết giấy vay tiền giao cho vợ chồng ông. Số tiền 60.000.000đồng mà bà T đã vay của vợ chồng ông là nghĩa vụ của cá nhân bà T vì lúc vay tiền chỉ có một mình bà T đến vay và nhận tiền, lúc bà T vay tiền thì ông được biết là bà T đã ly hôn chồng.

Khi vay tiền, giữa vợ chồng ông và bà T thoả thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay bà T chưa trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc và cũng chưa trả khoản tiền lãi nào. Vợ chồng ông đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T luôn né tránh, không chịu trả và hiện nay đã bỏ đi khỏi địa phương, không báo nơi cư trú mới cho vợ chồng ông biết. Vì vậy, ông yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông (Võ Văn L và Trần Thị Đ) số tiền 60.000.000đồng, ông không yêu cầu bà T trả lãi.

** Tại bản tự khai đề ngày 20/01/2026, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trình bày:*

Bà là vợ của ông Võ Văn L. Ngày 07/01/2017 âm lịch vợ chồng bà có cho bà Nguyễn Thị T vay 40.000.000đồng; đến ngày 07/4/2017 âm lịch vợ chồng bà tiếp tục cho bà Nguyễn Thị T vay 20.000.000đồng. Tổng cộng bà T vay tiền của vợ chồng bà 02 lần, với tổng số tiền là 60.000.000đồng. Toàn bộ số tiền vay của vợ chồng bà là tiền cá nhân bà T vay, không liên quan đến người khác. Khi vay tiền thì giữa vợ chồng bà và bà T thoả thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay bà T chưa trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc và cũng chưa trả khoản tiền lãi nào. Vì vậy, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L, yêu cầu Toà án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà số tiền 60.000.000đồng, bà không yêu cầu bà T trả lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án; không tham gia phiên toà, phiên họp theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có

nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn L, bà Trần Thị Đ số tiền 60.000.000đồng; về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Võ Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 âm lịch và 07/4/2017 âm lịch. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Khi xác lập hợp đồng vay tài sản với vợ chồng ông Võ Văn L thì bà Nguyễn Thị T có nơi cư trú tại tổ dân phố Vĩnh Bình, phường Phổ Ninh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là tổ dân phố Vĩnh Bình, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi). Tuy nhiên, tại thời điểm ông L khởi kiện thì bà T không có mặt tại địa phương. Việc bà T thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho bên có quyền biết là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và bà Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 âm lịch và 07/4/2017 âm lịch, ý kiến trình bày của nguyên đơn ông Võ Văn L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị T có vay tiền của vợ chồng ông Võ Văn L, bà Trần Thị Đ 02 lần, với tổng số tiền là 60.000.000đồng, cụ thể: Ngày 07/01/2017 âm lịch bà T vay 40.000.000đồng và ngày 07/4/2017 âm lịch bà T vay 20.000.000đồng.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà Đ đều xác định toàn bộ số tiền 60.000.000đồng mà vợ chồng ông, bà đã cho bà T vay là nợ riêng của bà T

vì lúc vay tiền chỉ có một mình bà T đến vay và nhận tiền, lúc bà T vay tiền thì bà T đã ly hôn chồng.

[2.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu chứng cứ và các các văn bản tố tụng khác cho bà Nguyễn Thị T nhưng bà T không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia các phiên họp, phiên toà. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có căn cứ xác định bà Nguyễn Thị T có vay tiền của vợ chồng ông Võ Văn L, bà Trần Thị Đ 02 lần, với tổng số tiền là 60.000.000đồng và số tiền vay nêu trên là khoản nợ riêng của cá nhân bà Nguyễn Thị T.

[2.4] Mặc dù các giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 âm lịch và 07/4/2017 âm lịch đều không thể hiện cụ thể thời hạn trả nợ, chỉ ghi khi nào ông L cần thì bà T hoàn trả lại. Tuy nhiên, khi vợ chồng ông L yêu cầu trả nợ thì bà T luôn né tránh, không chịu trả. Ngày 15/10/2025, ông L có thông báo yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T đã đi khỏi địa phương, không thông báo nơi cư trú mới cho vợ chồng ông L biết nên ông L không thể giao thông báo yêu cầu trả nợ cho bà T được. Việc bà T không trả khoản nợ nêu trên cho vợ chồng ông L khi ông L có thông báo yêu cầu trả nợ và bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho vợ chồng ông L biết là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, ông L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T trả cho vợ chồng ông Võ Văn L, bà Trần Thị Đ tổng số tiền 60.000.000đồng theo các giấy mượn tiền ngày 07/01/2017 âm lịch và 07/4/2017 âm lịch là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Võ Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L được Tòa án chấp nhận với số tiền là 60.000.000đồng nên bị đơn bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể số tiền án phí dân sự sơ thẩm bà T phải chịu là: 60.000.000đồng x 5% = 3.000.000đồng.

Ông Võ Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông L được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên không xem xét xử lý.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, các điều 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 469 và 688 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn L.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Võ Văn L, bà Trần Thị Đ tổng số tiền là 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng).

3. Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Võ Văn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 3.000.000đồng (ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong